FireAnt

CTCP Lilama 18 (HSX: LM8)

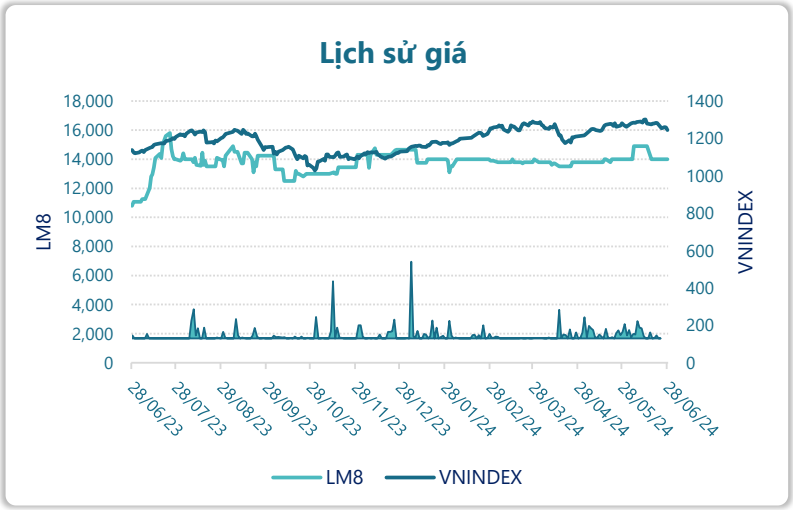

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,794
SL cổ phiếu LH	9,388,682
KLGD BQ 20 phiên (CP)	650
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	131
P/E	7.8
EPS	1,797

DT thuần

Q2/24

370

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 79.0| 27.0%

YoY: ▲ 162| 77.7%

LN sau thuế

Q2/24

4.43

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.46| 49.3%

YoY: ▲ 4.07| 1132%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

3.5%

+/- YoY: ▼ 4.0%

DT thuần

6T 2024

661

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 156| 30.9%

LN sau thuế

6T 2024

7.40

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.04| 214%

ROE

Q2/24

5.6%

+/- YoY: ▲ 1.6%

Kết quả kinh doanh

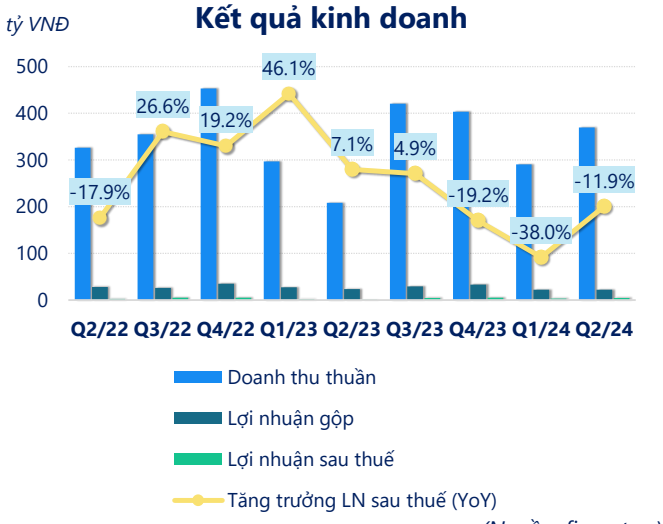

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

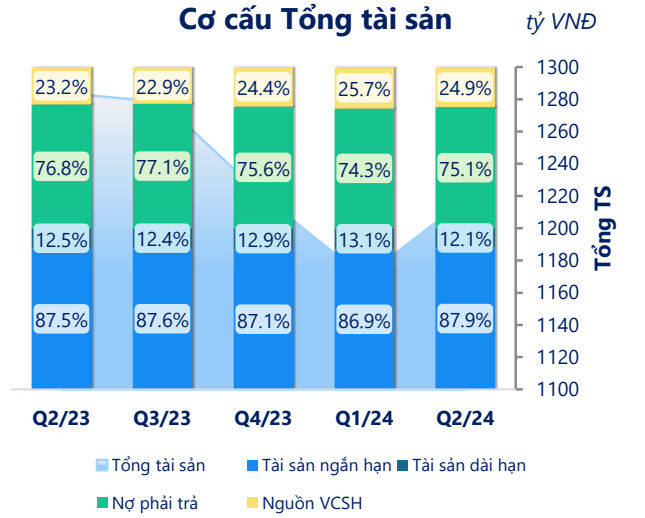

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

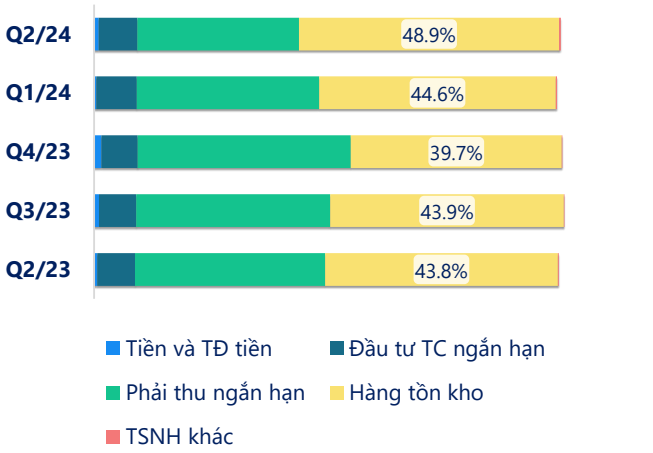

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

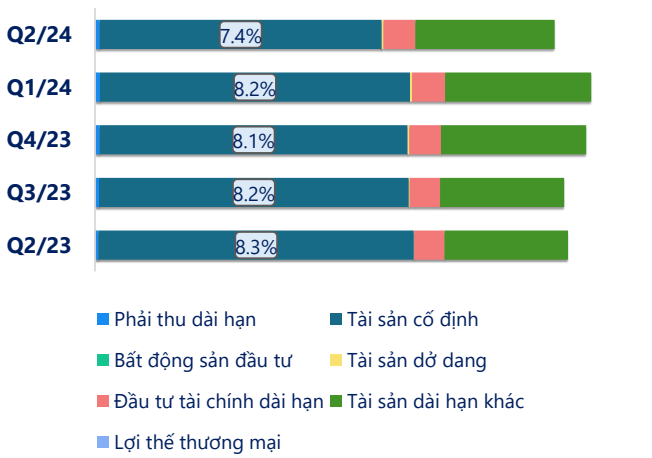

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

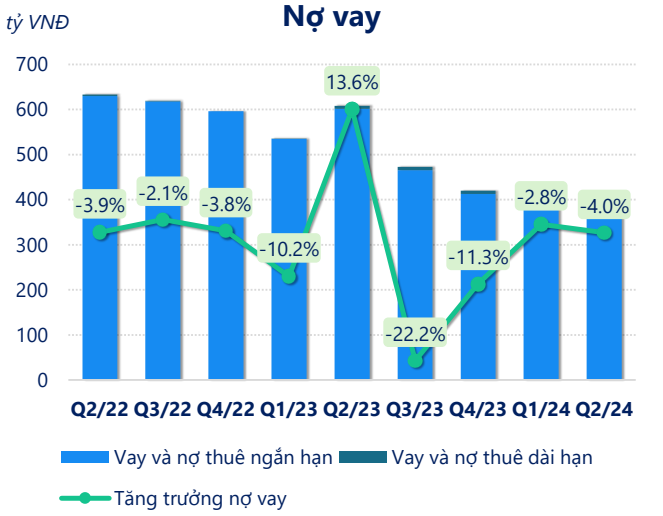

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

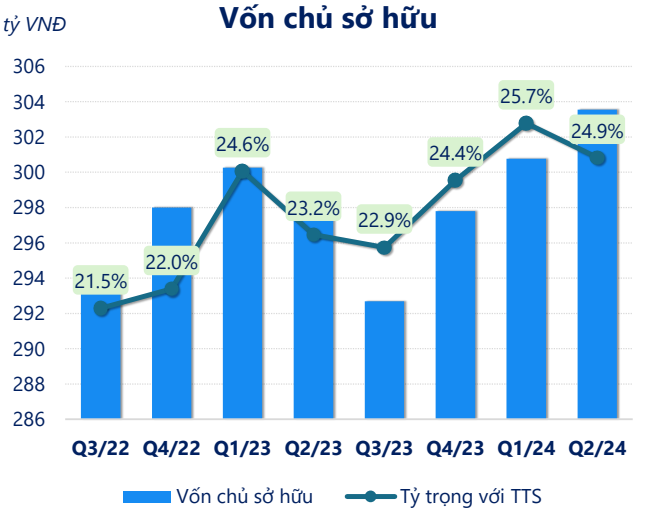

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

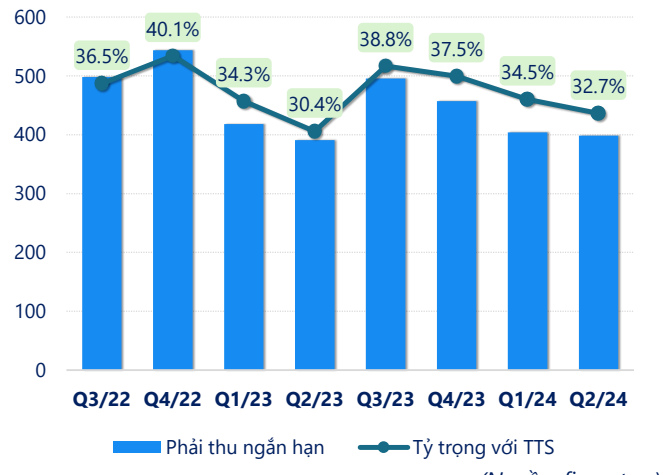

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

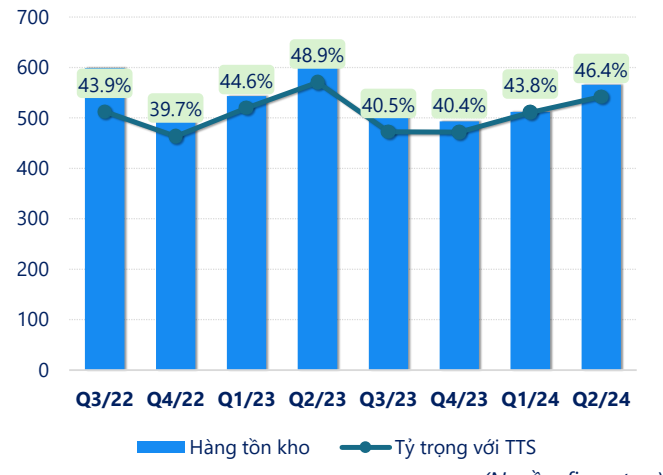

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

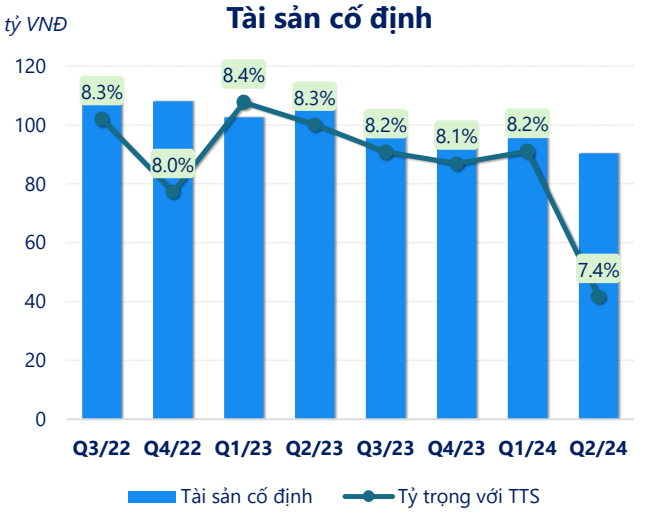

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

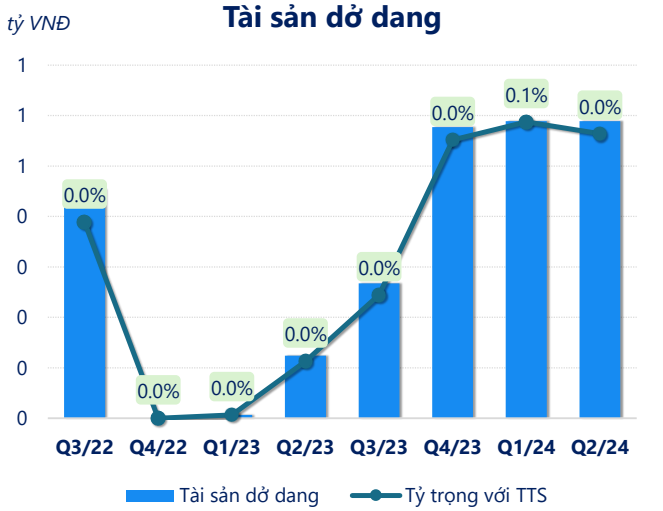

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

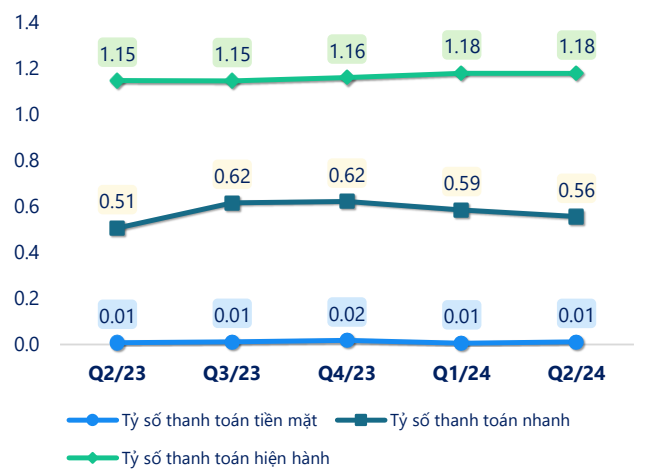

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,284**	**1,278**	**1,220**	**1,170**	**1,218**
Tài sản ngắn hạn	**1,124**	**1,120**	**1,062**	**1,017**	**1,070**
Tiền và tương đương tiền	7.76	12.0	16.4	4.68	10.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	93.0	93.0	93.0	93.0	93.0
Phải thu ngắn hạn	391	496	457	404	398
Hàng tồn kho	628	518	493	512	565
Tài sản ngắn hạn khác	4.69	2.15	2.15	3.08	2.72
Tài sản dài hạn	**160**	**158**	**158**	**153**	**147**
Phải thu dài hạn	1.21	1.32	1.52	1.52	1.52
Tài sản cố định	107	104	98.8	95.5	90.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.12	0.27	0.58	0.59	0.59
Đầu tư tài chính dài hạn	10.2	10.2	10.2	10.2	10.2
Tài sản dài hạn khác	41.8	41.8	46.6	45.0	44.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**986**	**986**	**922**	**869**	**914**
Nợ ngắn hạn	**980**	**978**	**915**	**863**	**908**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	602	465	413	402	386
Phải trả người bán ngắn hạn	147	167	164	146	169
Nợ dài hạn	6.58	7.87	7.14	6.42	5.69
Vay và nợ thuê dài hạn	6.58	7.87	7.14	6.42	5.69
Nguồn vốn chủ sở hữu	**298**	**293**	**298**	**301**	**304**
Vốn chủ sở hữu	**298**	**293**	**298**	**301**	**304**
Vốn điều lệ	93.9	93.9	93.9	93.9	93.9
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)